

Mấy vấn đề lý luận từ thực tế phát triển kinh tế tư nhân phi nông nghiệp

ĐÀO XUÂN SÂM

Khu vực kinh tế tư nhân phi nông nghiệp ở nước ta bao gồm kinh tế tư nhân trong công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp dịch vụ ở thành thị và nông thôn, với các hình thức kinh tế cá thể, tiểu chủ và tư bản tư nhân, hoạt động theo các loại hình hộ kinh doanh và doanh nghiệp tư nhân. Đặt trong tổng thể bước phát triển nền kinh tế thị trường nhiều thành phần với sự lãnh đạo của Đảng, đây là khu vực kinh tế có quá trình phát triển rất mạnh mẽ trong khoảng 20 năm vừa qua, đã có thành quả phát triển to lớn, có thực tiễn phong phú trong việc xây dựng và hoàn thiện chính sách và pháp luật để định hướng và điều tiết.

Bài viết này là cố gắng góp phần nghiên cứu, tổng kết thực tế về tính tất yếu của sự phát triển, nhận dạng và dự báo xu hướng phát triển kinh tế tư nhân phi nông nghiệp và khả năng bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa.

I. THỰC TIỄN VÀ LÝ LUẬN TRONG BƯỚC MỞ ĐƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN

Bước khởi đầu đổi mới trong đó có việc mở đường phát triển kinh tế tư nhân phi nông nghiệp đã diễn ra từ năm 1979, khi có Nghị quyết Hội nghị lần thứ VI, BCH TƯ Đảng khoá IV. Đó là bước đầu chấp nhận kinh tế tư nhân và kinh tế hàng hóa, dù còn nhiều hạn chế về qui mô và lĩnh vực hoạt động, nhưng đã lập tức nảy sinh vướng mắc về lý luận vì đụng đến nguyên lý cơ bản của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa (theo nhận thức cũ). Câu hỏi đặt ra: “Chủ nghĩa xã hội có đặc điểm ưu việt là kinh tế công hữu và kế hoạch hóa tập trung, nay lại mở đường cho kinh tế tư nhân và thị trường? Có thể lợi trước mắt, nhưng lâu dài liệu còn chủ nghĩa xã hội?”. Hầu như mọi vấn đề lý luận nảy sinh từ bước mở đầu phát

triển kinh tế tư nhân cho đến nay đều xoay quanh câu hỏi đó.

Dẫu còn ý kiến băn khoăn, cuộc mở đường và phát triển vẫn diễn ra trước hết do áp lực mạnh mẽ từ thực tế - đông đảo nhân dân và đảng viên, cán bộ đã rất năng động tìm tòi sáng tạo nhiều nhân tố mới; không thụ động chấp hành theo “cơ chế không phù hợp thực tế”; đòi hỏi “cởi trói”, “tháo gỡ” để sản xuất bung ra, cứu vãn đời sống nhân dân đang quá khó khăn thiếu thốn. Khó khăn đó có nguyên nhân khách quan, nhưng nguyên nhân chủ yếu và trực tiếp là do một số sai lầm trong cải tạo, tập thể hóa và sự duy trì cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, ngăn cấm kinh tế tư nhân và quan hệ thị trường. Vào thời gian đó, nguồn vật tư hàng hóa và tài chính trong tay Nhà nước đã cạn kiệt, trong khi nguồn khả năng trong dân còn nhiều. Thực tế đó đưa tới đòi hỏi phải “tháo gỡ” từng bước cho kinh tế tư nhân và tự do trao đổi hàng hóa. Sự tháo gỡ nhanh chóng đưa lại hiệu quả nổi bật, càng giúp khẳng định quyết tâm tháo gỡ.

Cùng với áp lực đổi mới từ thực tế cuộc sống, về mặt tư tưởng lý luận, ngay từ buổi đầu đã gặp thuận lợi do trong hệ thống nước xã hội chủ nghĩa lúc ấy đang có trào lưu trở lại những tư tưởng của Lênin trong Chính sách kinh tế mới, nổi bật nhất là sự tất yếu phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần. Việt Nam chấp nhận phát triển kinh tế tư nhân và quan hệ thị trường trong trào lưu chung của cả hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa. Việt Nam là nước vừa mới bước vào xây dựng kinh tế sau chiến tranh, tự biết mình còn thiếu vốn lý luận và kinh nghiệm, nên đã rất coi trọng việc tổ chức nghiên cứu học tập khai thác kiến thức và kinh nghiệm quốc tế.

Tuy nhiên, đặc điểm nổi bật của bước mở đường đổi mới là cuộc tìm tòi đổi mới trên thực tế của nhân dân. Trên đất nước ta, các năm từ 1979 đến Đại hội VI (1986) Đảng và Nhà nước đã liên tục cổ vũ và tạo thành phong trào tìm tòi sáng tạo và phát huy nhân tố mới trên thực tế. Qua đó, từng bước tổng kết, ban hành chính sách và thể chế mới.

Bước đổi mới chính sách kinh tế của Đại hội VI (1986) kế đó là của Hội nghị lần thứ 6 (1989) BCH TƯ Đảng khóa VI, là thành quả tổng kết thực tế, tự chủ vận dụng sáng tạo tư tưởng Lênin về phát triển cơ cấu kinh tế nhiều thành phần và quan hệ thị trường để xúc tiến công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội phù hợp với Việt Nam. Chính sách mới của Đại hội VI, do phù hợp thực tế và ý nguyện của dân, đã đi vào cuộc sống rất nhanh, tạo cơ sở tư tưởng lý luận và niềm tin mạnh mẽ trong toàn Đảng, toàn dân với sự nghiệp đổi mới, trong đó phát triển kinh tế tư nhân và kinh tế thị trường đã trở thành xu hướng không thể đảo ngược dù gặp khó khăn vướng mắc thăng trầm. Kế tục chính sách của Đại hội VI về phát triển kinh tế tư nhân và kinh tế thị trường, Đại hội VII (1991) đã tiếp tục cổ vũ khuyến khích mạnh mẽ. Mặt khác, có một số điểm gây băn khoăn. Theo Văn kiện Đại hội, việc phát triển kinh tế tư nhân là chính sách trong thời kỳ quá độ. Đến chủ nghĩa xã hội phải thực hiện công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu. Nhiều người kinh doanh nhìn nhận đó là chính sách “nhất thời vô báo?”. Điều lệ đảng có quy định: “...đảng viên có lao động, không bóc lột...”. Như vậy phải chăng tư bản tư nhân dù làm ăn hợp pháp vẫn là đối tượng đối lập với Đảng và chủ nghĩa xã hội?

Những băn khoăn vướng mắc đó tồn tại kéo dài cho đến Đại hội IX. Đại hội IX đã đánh giá công tác lý luận còn yếu kém bất cập, nhiều vấn đề đặt ra chưa có được lời giải phù hợp.

Vậy, trên thực tế, tại sao kinh tế tư nhân và kinh tế thị trường vẫn phát triển. Điều đó có nguyên nhân quan trọng ở việc Đảng và Nhà nước đã xúc tiến mạnh mẽ quá trình lập pháp, tạo cơ sở pháp lý cho sự phát triển kinh tế thị trường nhiều thành phần, và kinh tế tư nhân nói riêng.

Sau Đại hội VI, đã có nhiều Nghị quyết Chỉ thị của Đảng và văn bản của Nhà nước về phát triển kinh tế ngoài quốc doanh phi nông nghiệp. Năm 1990 đã ban hành Luật Công ty và Luật Doanh nghiệp tư nhân. Hiến pháp năm 1992 khẳng định vai trò hợp hiến của kinh tế tư nhân và tư bản tư nhân nói riêng. Điều 16 của Hiến pháp đã xác định 5 thành phần kinh tế: kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, kinh tế cá thể, kinh tế tư bản tư nhân và kinh tế tư bản nhà nước. Điều 22 ghi rõ “Các cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước, đều bình đẳng trước pháp luật, vốn và tài sản hợp pháp được Nhà nước bảo hộ.

Doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế được liên doanh liên kết với cá nhân, tổ chức kinh tế trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật”. (Hiến pháp đã sửa đổi, bổ sung năm 2001 cơ bản giữ như vậy). Trong 10 năm vừa qua, đã liên tục ban hành và hoàn thiện hệ thống luật dân sự, luật kinh tế và kinh doanh. Năm 2000 ban hành Luật Doanh nghiệp (thay cho Luật Công ty và Luật Doanh nghiệp tư nhân trước đây). Đạo luật này đi vào cuộc sống rất nhanh, tạo ra bước phát triển đột biến của kinh tế tư nhân, đặc biệt là doanh nghiệp tư nhân từ năm 2000 đến nay.

Như vậy, trên thực tế quá trình đổi mới, Đảng và Nhà nước đã chỉ đạo thúc đẩy một lĩnh vực hệ trọng nhất trong lãnh đạo và quản lý kinh tế - lĩnh vực thể chế hóa, đổi mới tạo lập và hoàn thiện cơ sở hợp hiến hợp pháp cho hoạt động của các thành phần kinh tế và loại hình doanh nghiệp. Thể chế hóa như vậy là chức năng, là hoạt động thực tiễn cơ bản nhất của cơ quan lãnh đạo quản lý kinh tế; là việc đưa chính sách của Đảng vào cuộc sống, đồng thời qua đó tổng kết thực tế hoàn thiện chính sách. Đã có nhiều hoạt động lý luận gắn liền và phục vụ thể chế hóa. Thể chế hóa là vấn đề cơ bản của việc xây dựng nhà nước pháp quyền và tạo lập đồng bộ nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, mà đến nay ta đang còn ở bước đầu. dấu sao, thành quả đã đạt được là rất quan trọng - kinh tế tư nhân

và kinh tế thị trường đã có vai trò hợp hiến, hợp pháp.

Hệ thống pháp luật mới được ban hành và liên tục hoàn thiện đã cổ vũ và bảo đảm pháp lý để mọi người kinh doanh tư nhân ngày càng yên tâm phát triển. Đáng lưu ý các năm từ sau Đại hội VIII, đã liên tục có diễn đàn hợp tác đối thoại cởi mở giữa lãnh đạo và cơ quan nhà nước hữu quan với giới kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế, mà chủ đề luôn luôn là xây dựng và thực thi thể chế kinh tế và kinh doanh.

Nhờ thành quả ban hành và thực thi thể chế như vậy, mới có thể có bước phát triển liên tục của kinh tế tư nhân mấy chục năm vừa qua và bước phát triển đột biến từ năm 2000 đến nay, ngay trong tình hình còn có những ý kiến băn khoăn lo ngại.

Đại hội IX, về mặt phát triển kinh tế tư nhân, đã đạt bước mới về hoàn thiện chính sách - khẳng định cơ cấu kinh tế thị trường nhiều thành phần định hướng XHCN, trong đó kinh tế tư nhân là bộ phận quan trọng; xác định quan hệ giữa các giai cấp và tầng lớp xã hội là quan hệ hợp tác và đấu tranh trong nội bộ nhân dân, cùng nhau đi lên CNXH dưới sự lãnh đạo của Đảng. Hội nghị lần thứ V của BCH TƯ (năm 2002), trong Nghị quyết về kinh tế tư nhân, đã xác định hai điều rất quan trọng: “Xây dựng quan hệ tốt đẹp giữa người sử dụng lao động và người lao động trên cơ sở pháp luật và tinh thần tương thân tương ái” và “Những đảng viên đang làm chủ doanh nghiệp của tư nhân, chấp hành tốt Điều lệ Đảng và luật pháp, chính sách của Nhà nước thì vẫn là đảng viên của Đảng”⁽¹⁾.

Nhìn tổng quát lại, có thể thấy rõ trong cuộc đổi mới ở nước ta nói chung, và nói riêng trong bước mở đường và phát triển kinh tế tư nhân, đã diễn ra cuộc tìm tòi đổi mới mang tính nhân dân, tính xã hội. Sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước đã có vai trò mở đường, khuyến khích, định hướng và điều tiết rất rõ. Bản thân cuộc tìm tòi đổi mới đó bao hàm quá trình đổi mới tư duy lý luận gắn với thực tiễn xây dựng và hoàn thiện chính sách, thể chế; từ đó trải qua mấy chục năm, đã thêm chất liệu và kinh nghiệm cụ thể

phong phú để tổng kết và giải đáp những vấn đề về lý luận đặt ra.

II. NHẬN DẠNG VÀ DỰ BÁO XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Nhận định mới của Đại hội IX về những biến đổi trong cơ cấu kinh tế và giai cấp xã hội

Theo phép biện chứng lịch sử và học thuyết về hình thái kinh tế - xã hội của chủ nghĩa Mác-Lênin, việc đánh giá và định hướng cải biến và phát triển xã hội phải nhìn nhận từ nền tảng kinh tế và giai cấp xã hội. tính tất yếu và khả năng đi lên CNXH cũng phải xem xét từ nền tảng kinh tế xã hội.

Theo nhận định của Đại hội IX, trải qua quá trình cách mạng Việt Nam do Đảng lãnh đạo, “Cơ cấu kinh tế và cơ cấu giai cấp xã hội ở nước ta đã có những biến đổi to lớn”; từ đó, điều quan trọng nhất là: “Mối quan hệ giữa các giai cấp, các tầng lớp xã hội là quan hệ hợp tác và đấu tranh trong nội bộ nhân dân, đoàn kết và hợp tác lâu dài trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng”⁽²⁾. Như vậy, có thể nói cơ cấu kinh tế và cơ cấu giai cấp xã hội mới về chất đã hình thành ở nước ta. Đây là kết quả tổng kết thực tế rất cơ bản về tính tất yếu khách quan và đặc thù của con đường đi lên CNXH ở Việt Nam; đã vạch rõ sự xuất hiện nền tảng kinh tế xã hội mới của sự thống nhất giữa lợi ích giai cấp và lợi ích dân tộc, giữa độc lập dân tộc và CNXH; vạch rõ chính nền tảng kinh tế xã hội mới đó tạo khả năng phát huy sức mạnh toàn dân tộc lên tầm cao mới, phát huy tính ưu việt của CNXH ngay từ bước đầu tạo lập.

Đặc biệt lưu ý rằng, nhận định mới của Đại hội IX là sự kế tục và phát triển cách nhìn nhận của Đảng từ các Đại hội trước đây về những biến đổi trong cơ cấu kinh tế xã hội nước ta. Từ đó đã từng bước có quan điểm mới về quan hệ kinh tế và giai cấp xã hội trong sự nghiệp xây dựng CNXH. Đây cũng chính là sự

(1) Nghị quyết hội nghị lần thứ V (khoá IX). Báo ND ngày 27-3-2002

(2) Trích Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ IX. Nxb CTQG. Hà Nội, 2001. tr 85.

kế tục và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trên vấn đề cơ bản nhất của cách mạng Việt Nam - mối quan hệ giai cấp nhân dân dân tộc, mối quan hệ độc lập dân tộc với CNXH.

Cần và có thể nói, thành quả lớn và hệ trọng nhất của sự nghiệp cách mạng Việt Nam, của sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam là sự hình thành cơ cấu kinh tế và cơ cấu giai cấp xã hội mới. Đó là thành quả có ý nghĩa lịch sử: cải biến cơ cấu kinh tế và cơ cấu giai cấp xã hội cũ có giai cấp áp bức bóc lột gắn với đối kháng giai cấp; từng bước tạo lập cơ cấu kinh tế và cơ cấu giai cấp xã hội cùng với quan hệ giai cấp xã hội mới - quan hệ hợp tác và đấu tranh trong nội bộ nhân dân. Như vậy, trải qua trên 70 năm từ ngày Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam, với trên nửa thế kỷ có chính quyền cách mạng, trên 1/4 thế kỷ giải phóng, thống nhất đất nước và đi lên CNXH trên cả nước, đã bước đầu thực hiện được một mục tiêu cơ bản trong lý tưởng Cộng sản: “Tạo lập xã hội mới có khả năng loại trừ quan hệ giai cấp đối lập, đối kháng”.

Quan điểm mới của Đại hội IX về cơ cấu kinh tế và giai cấp xã hội đã đặt nền tảng tư tưởng và phương pháp luận, để từ đó có thể nhận dạng đánh giá và dự báo sự phát triển kinh tế tư nhân.

2. Nhận dạng, đánh giá và dự báo xu hướng phát triển kinh tế tư nhân

Hiện tượng mới rất hệ trọng của bước chuyển sang nền kinh tế thị trường nhiều thành phần ở nước ta trong khoảng 20 năm vừa qua là sự phát triển và tạo thành khu vực kinh tế tư nhân rộng lớn.

Đó trước hết là nền nông nghiệp chuyển sang kinh tế hộ tự chủ, trong đó đang phát triển quan hệ hợp tác, liên kết và hợp tác xã kiểu mới. Đã xuất hiện gần 60 ngàn trang trại. Khoảng 50 triệu dân trong khu vực này với trên 10 triệu hộ nông dân, cơ bản đã nắm quyền tự do làm ăn sinh sống. Đây là nguồn gốc chính của mọi thành tựu ngoạn mục trên mặt trận nông nghiệp hơn 10 năm qua.

Trong công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp và dịch vụ ở thành thị và nông thôn cũng đã khôi phục và phát triển khu vực

kinh tế tư nhân rộng lớn. Khoảng 20 triệu dân trong khu vực này với hơn 2 triệu hộ kinh doanh, 70 ngàn doanh nghiệp bước đầu nắm quyền tự do làm ăn sinh sống; đã có đóng góp quan trọng vào công cuộc phát triển kinh tế, là khu vực có công đầu về tạo hàng triệu việc làm mới, nay đang còn ẩn dấu nhiều tiềm năng lớn. ề khu vực này cũng đang phát triển quan hệ liên doanh liên kết hợp tác và hợp tác xã kiểu mới.

Nhận dạng khu vực kinh tế tư nhân trong toàn bộ các ngành nông, công, thương, dịch vụ, có thể thấy rõ đây là sự tạo thành khu vực kinh tế dân sự bao quát cỡ 70 triệu dân; là thành quả dân chủ từ nền tảng kinh tế - xác lập quyền tự do làm ăn sinh sống của đại đa số dân; là thành quả cách mạng và đổi mới của Việt Nam do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Kinh tế tư nhân rộng lớn như vậy là khu vực mới chưa từng có trong lịch sử kinh tế Việt Nam; đã kéo theo sự ra đời của xã hội dân sự - xã hội của cộng đồng công dân lao động tự do. Sức sống và xu hướng phát triển của nó là sự thể hiện ý nguyện và lợi ích của đông đảo nhân dân, của dân tộc Việt Nam. Đã thấy rõ nét một số xu hướng lớn, còn diễn ra mạnh mẽ trong tương lai phát triển kinh tế tư nhân phi nông nghiệp:

- Xu hướng liên tục mở rộng quy mô và tăng tỷ trọng kinh tế tư nhân phi nông nghiệp so với khu vực nông nghiệp và so với kinh tế nhà nước, nổi bật nhất là quy mô dân số, lao động, đầu tư, GDP. Đây là khu vực dẫn đầu về tốc độ và hiệu quả.

- Xu hướng nâng cao vai trò kinh tế tư nhân phi nông nghiệp trong việc giải quyết những nhiệm vụ kinh tế xã hội chính trị to lớn: tiết kiệm đầu tư và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thực hiện công nghiệp hóa hiện đại hóa; nâng cao khả năng cạnh tranh trong đua tranh và hội nhập; tạo việc làm, cải thiện điều kiện lao động và đời sống người lao động, xóa đói nghèo.

- Xu hướng hình thành nhiều triệu hộ kinh doanh, trong đó 10 năm tới sẽ có hàng triệu cơ sở kinh doanh cỡ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Doanh nghiệp nhỏ và vừa hầu hết là doanh

ng nghiệp tư nhân và hợp tác.

- Sẽ sớm xuất hiện một số doanh nghiệp tư nhân với quy mô lớn và ngày càng lớn. Sẽ phát triển nhiều doanh nghiệp Việt Nam kinh doanh trong nước và ở nước ngoài, cũng như doanh nghiệp người Việt Nam ở nước ngoài ngày càng gắn bó với đất nước.

- Một xu hướng rất hệ trọng, trực tiếp mang nhân tố xã hội hóa xã hội chủ nghĩa, là xu hướng phát triển quan hệ liên doanh liên kết hợp tác giữa các thành phần và loại hình doanh nghiệp, phát triển hợp tác xã kiểu mới và doanh nghiệp cổ phần công chúng. Xu hướng này gắn liền với sự hình thành môi trường pháp lý bảo đảm tự do liên kết hợp tác và cạnh tranh theo hệ thống luật thống nhất.

Tổng quát lại, có thể nói nền kinh tế thị trường nhiều thành phần bao gồm kinh tế tư nhân, trong điều kiện xã hội và chính trị nước ta, với vai trò lãnh đạo quản lý của Đảng và Nhà nước, đương nhiên mang xu hướng phát triển xã hội chủ nghĩa, mà điều quan trọng nhất là đủ sức loại trừ khả năng tái xuất hiện cơ cấu kinh tế và giai cấp xã hội có đối lập, đối kháng làm mất sức mạnh cộng đồng trong cuộc hội nhập đua tranh phát triển⁽³⁾.

III. VAI TRÒ ĐỊNH HƯỚNG VÀ ĐIỀU TIẾT CỦA CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT

Ở nước ta trong điều kiện có chính quyền nhân dân do Đảng lãnh đạo, đã xóa bỏ chế độ cũ cùng các giai cấp áp bức bóc lột, từ đó phát triển nền kinh tế thị trường nhiều thành phần. Câu hỏi đặt ra: - Phát triển kinh tế như vậy phải chăng là chấp nhận đến mức nào đó sự tái yếu tái sinh giai cấp hay tầng lớp “bóc lột” và “bị bóc lột” như đã có trong xã hội cũ? Hay ngược lại, đây là sự phát triển kinh tế thị trường với cơ cấu kinh tế và giai cấp xã hội mới, có thể loại trừ khả năng tái sinh quan hệ “bóc lột” và “bị bóc lột”? Để giải đáp vấn đề này, cần thấy ta đã có thực tế về phát huy vai trò Đảng, Nhà nước định hướng và điều tiết các mối quan hệ kinh tế và giai cấp xã hội, thông qua chính sách và luật pháp.

1. Vai trò định hướng và điều tiết của chính sách phát triển

Trong đời sống kinh tế xã hội nước ta, mọi

quan hệ kinh tế và giai cấp xã hội được định hướng và điều tiết bởi chính sách của Đảng và luật pháp, Nhà nước thực thi chính sách đó. Đương nhiên mối quan hệ giữa người sử dụng lao động làm công ăn lương cũng được định hướng và điều tiết như vậy. Đảng và Nhà nước xuất phát từ thực tế, đã đề ra và liên tục hoàn thiện chính sách và luật pháp. Từ đó nâng cao hiệu lực định hướng và điều tiết.

Chính sách của Đảng về phát triển kinh tế thị trường được đề ra từ Đại hội VI (1986) đã có quá trình liên tục hoàn thiện. Đại hội lần thứ IX của Đảng khẳng định: “Tiếp tục nhất quán sự phát triển nền kinh tế thị trường nhiều thành phần. Các thành phần kinh tế kinh doanh theo pháp luật là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh”⁽⁴⁾. Sự khẳng định của Đại hội như vậy không phải là mong muốn chủ quan, mà là kết quả tổng kết thực tế. Thật vậy, trên đất nước ta trong bước phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế nói chung và kinh tế tư nhân nói riêng, mối quan hệ giữa người kinh doanh sử dụng nhiều lao động với hàng triệu người lao động làm công ăn lương đâu còn là quan hệ giữa người có quyền áp bức bóc lột với người bị áp bức bóc

(3) Lưu ý rằng, trong hơn 10 năm vừa qua trên mặt trận lý luận, có nhiều cách nhìn nhận, đánh giá, dự báo khác nhau. Chương trình khoa học cấp Nhà nước KX05. “Hệ thống chính trị trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta”, trong cuốn sách xuất bản năm 1999 (công trình nghiệm thu) đã nêu cảnh báo rất gay gắt: “Trong xã hội của thời kỳ quá độ còn tồn tại các giai cấp bóc lột; chúng chống lại sự nghiệp xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Chính sự chống đối đó của bọn bóc lột khiến giai cấp công nhân và nhân dân lao động phải tiến hành cưỡng bức đối với chúng, trấn áp chúng bằng bạo lực” và “xã hội trong thời kỳ quá độ không chỉ còn giai cấp bóc lột mà còn cả các giai cấp và tầng lớp trung gian khác. Do địa vị kinh tế - xã hội của mình, họ dễ dao động ngã nghiêng giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư bản, họ không thể tự mình tiến lên chủ nghĩa xã hội”.

Trích cuốn sách: “Đổi mới và tăng cường hệ thống chính trị nước ta trong giai đoạn mới”. Nxb CTQG. Hà Nội 1999, tr 66, 67.

(4) Trích Văn kiện Đại hội lần thứ IX. Nxb CTQG. Hà Nội 2001, tr 85.

lột như ở xã hội cũ. Những năm vừa qua, việc thực hiện quy định: “Đảng viên có lao động, không bóc lột” đã rất lúng túng về mặt xử lý đảng viên. Đồng thời gây ra sự nghi ngại của giới kinh doanh tư nhân với chính sách khuyến khích phát triển. Trước thực tế đó, Đảng và Nhà nước quyết định ban hành Luật Doanh nghiệp (năm 2000). Đó là sự khẳng định tính chiến lược lâu dài của chính sách. Hội nghị lần thứ 5 của BCHTW Đảng khoá IX (2002), xuất phát từ quan điểm cơ bản của Đại hội IX, đã đẩy tới một bước sự nhất quán của chính sách trên hai điều rất quan trọng: “Bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng của cả người lao động và người sử dụng lao động. Xây dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa người sử dụng lao động và người lao động trên cơ sở pháp luật và tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái”⁽⁴⁾ và “Những đảng viên đang làm chủ doanh nghiệp của tư nhân chấp hành tốt Điều lệ Đảng và pháp luật, chính sách của Nhà nước thì vẫn là đảng viên của Đảng”⁽⁵⁾. Những quyết định đó của Đảng và Nhà nước nhanh chóng đi vào cuộc sống, tạo ra sự tăng đột biến về số lượng doanh nghiệp và cơ sở kinh doanh trong khu vực tư nhân năm 2000, đến nay vẫn trên đà phát triển mạnh.

Nhìn nhận toàn diện các nhân tố khách quan về kinh tế - xã hội - văn hóa và chính trị, có thể thấy rõ Đảng, Nhà nước và nhân dân trải qua quá trình phát triển tôi luyện gần một thế kỷ của thời đại cách mạng Hồ Chí Minh, hoàn toàn có khả năng tạo lập quan hệ hợp tác và đấu tranh nội bộ nhân dân và dân tộc để tạo động lực phát triển định hướng xã hội chủ nghĩa. Như vậy có thể loại trừ sự tái xuất hiện quan hệ giai cấp có bóc lột và bị bóc lột kéo theo mâu thuẫn đối kháng, làm yếu sức mạnh cộng đồng trong công cuộc hội nhập và đua tranh phát triển.

2. Luật pháp là công cụ thực thi chính sách phát triển

Trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường, Nhà nước ta đã và đang xây dựng và thực thi hệ thống luật kinh tế và kinh doanh, nhằm thực thi chính sách của Đảng, khuyến

khích người dân mở mang kinh doanh hợp pháp, theo mục tiêu định hướng xã hội chủ nghĩa: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Yêu cầu cơ bản nhất với mọi người làm ăn và kinh doanh là “tuân theo pháp luật” trong đó có Luật Lao động. Đây không chỉ là yêu cầu cơ bản, mà còn là yêu cầu rất cao. Đảng có yêu cầu tất yếu đi tới một hệ thống luật kinh doanh và lao động cơ bản thống nhất cho mọi thành phần kinh tế và loại hình doanh nghiệp.

Xét riêng về quan hệ giữa người sử dụng nhiều nhân công và người làm công ăn lương trong khu vực kinh tế tư nhân, luật pháp bảo vệ quyền lợi hợp lý của cả hai phía. Trên thực tế xây dựng văn bản pháp luật và thực thi trong cuộc sống, đã có tình hình: không cần, không thể và chưa bao giờ trực tiếp đặt ra việc xây dựng văn bản xác định tầng lớp nào, người kinh doanh cụ thể nào, với quy mô và hình thức kinh doanh nào là thuộc loại có “bóc lột”. Đã không cần và không thể đặt ra việc ban hành tiêu chuẩn phân định thành phần tiểu chủ, tư bản tư nhân.... Trong khi đó, Luật Doanh nghiệp (năm 2000) với việc áp dụng chế độ đăng ký kinh doanh thay cho chế độ xin phép, đã khiến đông đảo người kinh doanh càng vững tin, rất hăng hái tự đăng ký, tự xưng danh trước pháp luật và công chúng như một sự tăng đột biến bùng nổ được xã hội mong đợi. Không đặt ra việc xem xét xác định và xử lý “quan hệ bóc lột”, xong Nhà nước và pháp luật từ lâu nay đã hoàn toàn cần và thực tế phải thực thi cơ chế giám sát xử lý hoạt động kinh doanh nói chung và quan hệ lao động nói riêng về tính hợp pháp hay phi pháp.

Chính nền pháp chế mới đang hình thành và hoàn thiện từng bước, là công cụ định hướng tạo lập quan hệ mới, tạo khả năng đẩy lùi, loại trừ các nhân tố tiêu cực. Luật pháp như vậy đã đặt biển cấm sự xuất hiện tầng lớp người có đặc quyền bóc lột cũng như tầng lớp cam chịu bị bóc lột. Nhìn rộng hơn, mọi doanh nghiệp còn liên tục chịu sự giám sát, không chỉ của Nhà nước mà còn của người lao

(5), (6) Báo Nhân dân (Toàn văn Nghị quyết) ngày 27-3-2002.

động, của toàn xã hội, các tổ chức chính trị xã hội và dân sự, của công luận. Sự giám sát như vậy, không dừng ở tính hợp pháp hay phi pháp, mà còn ở sự bình luận, phán xét theo các chuẩn mực văn hóa và tinh thần, theo thuần phong mỹ tục.... Như vậy, cùng với chính sách và luật pháp, sự định hướng và điều tiết giám sát các quan hệ kinh tế và quan hệ lao động nói riêng còn là sự giám sát có tính văn hóa xã hội.

3. Phấn đấu vì “quyền lao động” hợp hiến của công dân

Điều 55 của Hiến pháp đã ghi:

“Lao động là quyền và nghĩa vụ của công dân.

Nhà nước và xã hội có kế hoạch tạo ngày càng nhiều việc làm cho người lao động”.

Với công dân nước ta, quyền lao động - quyền có việc làm, là điều cơ bản nhất của quyền công dân. Vậy mà đất nước đã, đang và còn ở thực trạng rất đau lòng cho xã hội và đông đảo gia đình lao động, do “cung về lao động đã rất lớn, nhưng cầu chưa đủ mạnh” khiến quá nhiều người dân chưa có cơ hội tìm việc làm, càng khó tìm việc làm phù hợp. Nạn thừa người thiếu việc đó trước hết rơi vào lớp người đến tuổi ra trường, vào đời. Mặc dù mỗi năm đất nước đã tạo thêm trên 1 triệu việc làm mới, nhưng lao động dư thừa đang tồn đọng rất lớn ở nông thôn. Từ nhiều năm nay nghề nông vẫn giữ tỷ trọng trên 60% lao động xã hội, khiến đời sống nhà nông rất khó cải thiện. Biết bao gia đình loại thu nhập trung bình và thấp chủ yếu là nông dân, đang vét cạn vốn liếng để đầu tư cho con em ăn học và tìm việc làm, ly nông. Hàng triệu người lao động, nam và nữ, cho đến thiếu niên, đã tự phát dân thân vào cuộc di cư và du cư tìm kế sinh nhai, chấp nhận mọi khó khăn để tìm việc làm có thu nhập.

Thực tế đó chứng tỏ người lao động nước ta rất năng động, cần cù, nhẫn nại. Đồng thời cũng nói lên chính sách và môi trường xã hội chưa đủ sức tăng cầu lao động với tốc độ cao và hợp lý. Hiện nay do rất thiếu khả năng, nên Hiến pháp chưa thể đặt nhiệm vụ Nhà nước và xã hội bảo đảm quyền có việc làm của

công dân, càng chưa thể có bảo hiểm thất nghiệp với mọi người lao động. Gánh nặng này đang buộc các gia đình tự lo.

Của cải lớn nhất của nước ta là con người, là cộng đồng lao động. Lãng phí lớn nhất về vật chất và tinh thần là chưa toàn dụng được lao động. Người lao động chịu thiệt thòi lớn nhất là người chưa có việc làm và thất nghiệp. Với họ, có việc làm hợp pháp ổn định đã là sự đổi đời. Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2000 - 2010 được Đại hội IX thông qua đã dự tính đến năm 2010 số lao động đến độ tuổi ở nước ta là 56,8 triệu, tăng 11 triệu so với năm 2000. Như vậy mỗi năm cần tạo ra trên 1 triệu việc làm mới cho số lao động mới tăng thêm, chưa kể việc giảm thất nghiệp. Hơn nữa, còn có nhu cầu rất bức bách rút bớt lao động từ nông nghiệp sang các lĩnh vực ngoài nông nghiệp - trong 10 năm tới phải phấn đấu rút trên 10 triệu lao động. Chỉ như vậy đời sống nông dân mới có thể cải thiện.

Thực tế phát triển kinh tế cũng đã làm rõ khả năng tạo thêm việc làm. Khả năng đó của khu vực nhà nước là có hạn, nhất là về thu hút số lượng lao động. Khu vực kinh tế tư nhân và hợp tác, với qui mô kinh doanh từ hộ gia đình, cá thể, tiểu chủ, hợp tác xã đến qui mô doanh nghiệp các loại là nơi đã và đang tạo ra ngày càng nhiều việc làm. Doanh nghiệp do nước ngoài đầu tư cũng góp phần. Có khả năng lớn về xuất khẩu lao động ngày càng nhiều. Từ mấy chục năm nay, Đảng và Nhà nước đã cổ vũ khuyến khích người có vốn có tài mở mang sản xuất kinh doanh hợp pháp không hạn chế về qui mô. Quy mô kinh doanh hợp pháp càng lớn càng được coi trọng. Chính đó là con đường tạo cầu, tăng cầu về lao động. Lớp nhà kinh doanh tạo cầu về lao động càng đông đảo, làm cho nhu cầu số lượng lao động ngày càng lớn với cơ cấu và chất lượng ngày càng cao là trực tiếp mở rộng cơ hội để mọi người lao động có thể tìm việc làm phù hợp, phấn đấu nâng cao trình độ và tăng thu nhập.

Chính trên con đường đó, nước ta càng sớm càng tốt phải đi tới trình độ phát triển đến mức cầu lao động lớn hơn cung, tức là khan hiếm lao động nhất là lao động với chất lượng

cao. Chỉ đến lúc ấy, thu nhập lao động mới chắc chắn đạt mức cao; thất nghiệp được bảo hiểm trên toàn xã hội, tức là đủ khả năng thực thi quyền lao động của công dân. Như vậy, phát triển mạnh mẽ nền kinh tế thị trường nhiều thành phần theo định hướng chính sách của Đảng và luật pháp nhà nước là con đường xây dựng và toàn dụng lao động với trình độ và chất lượng ngày càng cao nhằm mưu cầu tự do, hạnh phúc và phát triển toàn diện của con người và cộng đồng lao động.

4. Kinh tế nhà nước với cuộc tổng động viên lực lượng các thành phần kinh tế

Với thực trạng kinh tế nhà nước và doanh nghiệp nhà nước hiện nay, chúng ta đang gặp hai thách thức gay gắt. *Một*, doanh nghiệp nhà nước vẫn chưa thể chuyển sang chế độ tự chủ kinh doanh năng động trên thị trường. Từ đó cản trở bước chuyển sang kinh tế thị trường của toàn bộ nền kinh tế. *Hai*, đây là khu vực kinh tế mang bệnh quan liêu tham nhũng nặng mà nguồn gốc là từ thể chế, đã giành cho nó đặc quyền đặc lợi, gắn chặt kinh tế công hữu với nhà nước và toàn bộ hệ thống chính trị.

Từ thực trạng đó, kinh tế nhà nước thay vì phát huy vai trò nền tảng chủ đạo, nêu gương dẫn dắt các thành phần kinh tế khác, đã trở thành khu vực kinh tế hoạt động theo luật riêng biệt lập với khu vực kinh tế dân sự. Kinh tế nhà nước đang nắm giữ những ngành và doanh nghiệp lớn, có tính chi phối với toàn bộ nền kinh tế. Nếu khu vực này chưa thoát khỏi trạng thái như nói trên, thì đất nước không thể tạo lập nền kinh tế thị trường lành mạnh. Trước cuộc hội nhập đua tranh quốc tế, tất cả các thành phần kinh tế nước ta đang ở tư thế rất chưa sẵn sàng. Trước hết, doanh nghiệp nhà nước và kinh tế nhà nước với thực lực của đội quân chủ lực, nhưng cơ bản chưa thoát khỏi mô hình cũ. Khu vực kinh tế tư nhân tuy rộng lớn, song cơ bản là kinh tế hộ qui mô nhỏ. Những doanh nghiệp nhỏ và vừa, mới ra đời trên 10 năm gần đây còn nhiều non yếu, hơn nữa

chưa thật vững tâm làm ăn lớn và lâu dài. Như vậy, kinh tế nhà nước và kinh tế tư nhân đều đang gặp trắc trở trong bước chuyển sang nền kinh tế thị trường và đua tranh hội nhập.

Nguồn gốc của tình hình đó, suy đến cùng là do chính sách và thể chế về kinh tế thị trường nhiều thành phần còn có chỗ chưa thật phù hợp, chưa nhất quán. Báo cáo chính trị tại Đại hội IX đã có những nhận định đánh giá rất mới về cơ cấu kinh tế và cơ cấu xã hội, về quan hệ hợp tác và đấu tranh giữa các giai cấp và các tầng lớp trong nội bộ nhân dân, về mục tiêu chung và động lực sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc. Từ đó, cần đổi mới chính sách và thể chế phù hợp và nhất quán hơn về mấy vấn đề cơ bản để tổng động viên lực lượng các thành phần kinh tế:

- Kinh tế nhà nước, bao gồm doanh nghiệp nhà nước, thật sự đổi mới, làm đúng vai trò chủ đạo đầu đàn trong liên kết hợp tác nhiều thành phần, theo tinh thần dân chủ để tạo thành sức mạnh tổng hợp của cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam;

- Sớm tạo môi trường kinh tế xã hội bình đẳng, các loại hình doanh nghiệp đều hoạt động theo hệ thống luật kinh doanh trên một thị trường xã hội thống nhất và hội nhập.

Trên nền tảng kinh tế nhiều thành phần như vậy, đồng thời đổi mới nhà nước về hệ thống chính trị theo hướng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, sẽ tạo khả năng thúc đẩy cải cách nền hành chính gắn với đổi mới kinh tế, nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế.

Đó là những vấn đề rất cơ bản bảo đảm phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa - dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp như vậy chính là sự mở đường giải phóng và tổng động viên lực lượng các thành phần kinh tế./.